

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế: 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu kỳ 01/1/2019
1	2	3	5	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		360.230.347.592	285.475.321.840
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	162.137.398.922	142.552.118.272
1.Tiền	111		27.997.398.922	15.552.118.272
2.Các khoản tương đương tiền	112		134.140.000.000	127.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.169.581.099	130.233.883.660
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	109.388.760.575	120.569.585.254
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	37.425.106.488	1.315.472.360
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	11.676.150.371	9.916.664.849
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(3.320.436.335)	(1.567.838.803)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		2.461.050.624	2.558.396.195
1.Hàng tồn kho	141	V.6	2.461.050.624	2.558.396.195
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		10.462.316.947	10.130.923.713
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	9.955.601.863	10.118.266.072
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		494.057.443	-
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	12.657.641	12.657.641
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		266.431.071.008	324.365.234.822
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	873.697.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	-	873.697.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu kỳ 01/1/2019
1	2	3	5	5
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		245.533.846.548	311.832.499.922
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	240.291.013.631	307.235.443.386
- Nguyên giá	222		664.414.081.877	670.319.164.554
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(424.123.068.246)	(363.083.721.168)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.242.832.917	4.597.056.536
- Nguyên giá	228		9.315.401.930	6.909.932.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.072.569.013)	(2.312.876.264)
III.Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV.Tài sản dở dang dài hạn	240		14.137.222.772	2.827.872.954
1.Chí phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.Chí phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	14.137.222.772	2.827.872.954
V.Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.104.249.053
1.Đầu tư vào công ty con	251			
2.Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13		2.104.249.053
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4.Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
VI.Tài sản dài hạn khác			6.760.001.688	6.726.915.893
1.Chí phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.390.425.093	5.658.212.938
2.Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	908.926.426	1.068.702.955
3.Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		460.650.169	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		626.661.418.600	609.840.556.662
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu kỳ 01/1/2019
1	2	3	5	5
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		266.834.664.344	269.323.122.882
I.Nợ ngắn hạn	310		167.839.382.170	136.597.069.267
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	58.902.793.307	40.368.029.555
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		223.487.677	-
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.647.247.157	7.974.519.049
4.Phải trả người lao động	314		36.021.959.857	27.472.956.898
5.Chí phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.877.827.991	5.489.310.895
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	12.177.058.958	11.167.982.025
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	35.442.370.368	36.953.104.620
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17b	10.546.636.855	7.171.166.225

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2019	Số đầu kỳ 01/1/2019
1	2	3	5	5
13.Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.Nợ dài hạn	330		98.995.282.174	132.726.053.615
1.Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.Chí phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.643.942.981	8.643.942.981
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	90.351.339.193	124.082.110.634
9.Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		359.826.754.256	340.517.433.780
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.18	359.826.754.256	340.517.433.780
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		53.787.047.452	46.936.196.938
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		128.247.278.682	121.628.021.537
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.983.867.314	121.628.021.537
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.263.411.368	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.809.848.122	21.970.635.305
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		626.661.418.600	609.840.556.662

Người lập biểu

nghe

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

liên

Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CTY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
I	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	189.726.812.083	172.756.344.772	701.606.873.033	659.417.756.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		189.726.812.083	172.756.344.772	701.606.873.033	659.417.756.678
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	140.310.612.324	136.969.943.923	548.852.540.490	528.231.683.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		49.416.199.759	35.786.400.849	152.754.332.543	131.186.072.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.266.834.376	2.686.892.736	7.899.829.196	6.645.139.129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.126.805.327	2.902.726.850	9.648.057.104	13.473.519.460
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		2.123.679.791	2.901.849.366	9.624.985.772	13.465.049.675
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			672.166.508	291.426.664	704.083.632	467.998.630
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.354.663.922	1.264.146.152	8.912.029.357	5.130.356.407
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21.160.544.352	13.473.744.946	54.564.597.194	42.381.147.717
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		24.713.187.042	21.124.102.301	88.233.561.716	77.314.186.951
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.182.567.073	1.092.281.147	3.027.382.789	1.428.753.225
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.832.994.451	992.568.665	2.860.787.607	1.954.987.421
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(650.427.378)	99.712.482	166.595.182	(526.234.196)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		24.062.759.664	21.223.814.783	88.400.156.898	76.787.952.755

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2019	Quý 4/2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1						
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2	3				
	51		6.391.627.778	4.113.896.544	19.926.706.311	16.455.269.094
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	576.053.901	731.041.163	159.776.529	(216.707.346)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp :	60		17.095.077.986	16.378.877.076	68.313.674.059	60.549.391.007
60 = 50 - 51 - 52)					-	-
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		16.312.463.220	15.995.605.703	65.038.988.783	57.743.349.582
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		782.614.766	383.271.373	3.274.685.275	2.806.041.425
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.689	872	3.969	3.190
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	1.689	872	3.969	3.190

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Cẩm Trang



Nguyễn Thị Hồng Liên



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã Số Thuế : 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	88.400.156.898	76.787.952.755
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	73.734.956.194	72.287.463.709
-	Các khoản dự phòng	03	1.636.565.532	1.438.682.799
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.968.592	(5.760.757)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.878.467.253)	(6.074.406.144)
-	Chi phí lãi vay	06	9.624.985.772	13.465.049.675
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	164.526.165.735	157.898.982.037
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.060.897.691)	(4.393.382.425)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	97.345.571	705.684.673
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	42.372.372.875	(28.441.425.391)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	430.452.054	(464.298.913)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(9.657.889.774)	(13.417.734.273)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.915.496.618)	(17.613.359.485)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	176.746.918	552.500.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.185.995.687)	(12.707.327.267)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	132.782.803.383	82.119.638.956
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.334.900.500)	(15.681.422.327)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.212.761.078	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2.104.249.053	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.895.267.504	5.573.122.125
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.122.622.865)	(10.108.300.202)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	-

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	18.307.923.993	5.640.800.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(58.830.679.686)	(60.000.856.585)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.546.516.000)	(28.680.221.900)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(73.069.271.693)	(83.040.278.485)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	19.590.908.825	(11.028.939.731)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	142.552.118.272	153.575.325.506
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.628.175)	5.732.497
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	162.137.398.922	142.552.118.272

Ngày 30 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

nguyen

huu



Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	36%	36%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty và công ty con có 653 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 619 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phân chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty và các công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và các công ty con là chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và các công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và các công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.222.534.696	762.377.890
Tiền gửi ngân hàng	25.774.864.226	14.789.740.382
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	134.140.000.000	127.000.000.000
Cộng	162.137.398.922	142.552.118.272

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	44.627.192.870	64.898.106.735
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	41.106.071.270	61.048.118.868
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.053.080.250	179.296.300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		3.080.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	2.365.550.100	2.046.081.245
Công ty TNHH Tân Cảng - Hiệp Lực		551.702.524
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	37.481.250	39.408.200
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	990.000	19.305.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		478.124.598
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	64.020.000	532.990.000
Phải thu các khách hàng khác	64.761.567.705	55.671.478.519
Cộng	109.388.760.575	120.569.585.254

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hiệp Lực	27.021.024.000	
Công ty CP Xây dựng T.C.O.N.S	9.572.000.000	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam		700.832.732
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt		376.653.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nam		
Các nhà cung cấp khác	832.082.488	237.986.628
Cộng	37.425.106.488	1.315.472.360

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	657.717.600		532.591.745	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	638.860.600		509.026.745	
Các khoản chi hộ:	18.857.000		23.565.000	
Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh			23.565.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	18.857.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	11.018.432.771		9.384.073.104	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.337.879.458		625.052.056	
Ký cược, ký quỹ	445.300.000		387.982.000	
Tạm ứng	7.099.015.803		5.271.689.795	
Các khoản chi hộ	1.303.642.335		3.097.760.803	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	832.595.175		1.588.450	
Cộng	11.676.150.371		9.916.664.849	

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm</i>				
Công ty TNHH TMDV Hải Lưu	516.997.000	258.498.500	402.160.000	281.512.000
Công ty TNHH Instant Transportation Việt Nam	135.405.662	66.800.831	96.007.662	67.205.363
<i>Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm</i>				
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	2.267.425.000	1.587.197.500	2.417.425.000	1.208.712.500
Công ty Cổ phần Lime Logistics	151.040.000	105.728.000	161.040.000	80.520.000
<i>Quá hạn trên 3 năm</i>				
Công ty TNHH Asian Groupage Servicers VN	129.156.004		129.156.004	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khách hàng khác	3.701.651.500	1.563.014.000		
Cộng	6.901.675.166	3.581.238.831	3.205.788.666	1.637.949.863

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.567.838.803	129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung	1.636.565.532	1.438.682.799
Tăng do công ty liên kết chuyển thành công ty con	116.032.000	
Giảm do công ty con chuyển thành công ty liên kết		(116.032.000)
Số cuối năm	3.320.436.335	1.567.838.803

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.461.050.624		2.558.396.195	

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	736.440.758	1.763.190.588
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	1.410.253.899	2.351.133.870
Chi phí bảo hiểm	4.634.491.086	4.642.943.402
Chi phí vé cầu đường	132.056.428	66.674.591
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.042.359.692	1.294.323.621
Cộng	9.955.601.863	10.118.266.072

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.700.209.597	3.434.042.178
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	1.573.534.103	1.893.387.814
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.116.681.393	330.782.946
Cộng	5.390.425.093	5.658.212.938

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	142.597.626.866	256.628.660.350	218.699.220.051	4.936.571.654	47.457.085.633	670.319.164.554
Mua trong năm	1.099.766.815		3.528.500.001		11.508.861	3.528.500.001
Đầu tư XD CB hoàn thành						1.111.275.676
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	869.742.239	198.500.000	2.801.663.636	110.400.000		3.980.305.875
Thanh lý, nhượng bán	(6.557.660.409)		(7.687.821.819)	(238.313.184)	(41.368.817)	(14.525.164.229)
Số cuối năm	138.009.475.511	256.827.160.350	217.341.561.869	4.808.658.470	47.427.225.677	664.414.081.877
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>						
<i>Chờ thanh lý</i>						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	55.106.240.152	146.328.489.178	129.560.461.463	4.879.613.069	27.208.917.306	363.083.721.168
Khấu hao trong năm	10.422.600.402	22.638.804.776	30.827.500.983	22.048.488	8.145.449.460	72.056.404.109
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	656.226.326	76.238.395	1.470.641.148	75.440.000		2.278.545.869
Thanh lý, nhượng bán	(5.328.099.080)		(7.687.821.819)	(238.313.184)	(41.368.817)	(13.295.602.900)
Số cuối năm	60.856.967.800	169.043.532.349	154.170.781.775	4.738.788.373	35.312.997.949	424.123.068.246
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	87.491.386.714	110.300.171.172	89.138.758.588	56.958.585	20.248.168.327	307.235.443.386
Số cuối năm	77.152.507.711	87.783.628.001	63.170.780.094	69.870.097	12.114.227.728	240.291.013.631

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 78.583.764.070 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.909.932.800	(2.312.876.264)	4.597.056.536
Tăng do mua sắm trong năm	2.251.914.130		2.251.914.130
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành			
Khấu hao trong năm		(1.678.552.085)	(1.678.552.085)
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	153.555.000	(81.140.664)	72.414.336
Số cuối năm	9.315.401.930	(4.072.569.013)	5.242.832.917

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 312.395.000 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Tăng do hợp nhất	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định		2.610.786.000		8.188.772.727	2.610.786.000
Xây dựng cơ bản dở dang	2.827.872.954	1.621.066.767	(1.111.275.676)		3.337.664.045
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.398.465.181				2.398.465.181
CP kiểm toán mở rộng văn phòng kho 5		33.316.364	(33.316.364)		
Xây dựng nhà nghỉ công nhân		814.563.139	(814.563.139)		
Xây dựng nhà vệ sinh bãi kiểm hóa		263.396.173	(263.396.173)		
CP thẩm tra thiết kế bản vẽ kho 6		138.454.545			138.454.545
Phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi kho 6		371.336.546			371.336.546
Công trình kho 6	429.407.773				429.407.773
Cộng	2.827.872.954	4.231.852.767	(1.111.275.676)	8.188.772.727	14.137.222.772

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Năm nay

Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.068.702.955	851.995.609
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(159.776.529)	216.707.346
Phát sinh trong năm	908.926.426	1.068.702.955
Hoàn nhập trong năm	(1.068.702.955)	(851.995.609)
Số cuối năm	908.926.426	1.068.702.955

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	16.235.635.864	19.882.051.957
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.772.288.392	7.059.284.193
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		716.913.239
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	1.908.705.366	2.299.456.383
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.068.069.210	1.380.407.050
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	76.250.000	30.147.942
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	56.868.669	68.002.605
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	262.409.400	495.464.960
Công ty TNHH Tân Cảng - Hiệp Lực		128.862.360
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		266.773.264
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.086.160.350	898.752.950
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	719.681.650	4.149.401.440
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		41.800.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	56.222.100	168.683.900
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	121.730.950	266.851.750
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	2.310.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	604.065.000	1.065.009.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	22.608.300	74.606.400
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	478.266.477	696.834.521
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		74.800.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>42.667.157.443</i>	<i>20.485.977.598</i>
Cộng	58.902.793.307	40.368.029.555

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tăng, giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.020.437.954		36.807.225.244	(37.291.921.058)		2.535.742.140	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.831.704		19.926.706.311	(18.915.496.618)	73.157.941	4.237.199.338	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	837.678.313		921.495.976			1.759.174.289	
Thuế thu nhập cá nhân	963.571.078		4.983.340.173	(5.047.443.129)	159.418.494	1.058.886.616	
Các loại thuế khác			62.244.774	(6.000.000)		56.244.774	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641					12.657.641
Cộng	7.974.519.049	12.657.641	62.701.012.478	(61.260.860.805)	232.576.435	9.647.247.157	12.657.641

(*) Do chuyển công ty liên kết thành công ty con.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.258.626.928	1.716.137.307
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	2.258.626.928	1.634.892.694
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ		81.244.613
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.619.201.063	3.773.173.588
Chi phí lãi vay phải trả	97.267.241	130.171.243
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	253.801.876	2.519.723.500
Chi phí cho người lao động	1.010.826.402	658.989.915
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.257.305.544	464.288.930
Cộng	4.877.827.991	5.489.310.895

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.539.925.181	3.410.083.250
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca		59.370.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.539.925.181	3.350.713.250
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	8.637.133.777	7.757.898.775
Kinh phí công đoàn	1.072.581.317	840.118.190
Bảo hiểm xã hội	1.577.820.034	1.920.878.874
Bảo hiểm y tế	102.478.025	68.426.623
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.752.900.991	294.076.640
Tiền hoa hồng môi giới	55.050.487	65.371.284
Cổ tức phải trả	1.932.674.950	1.733.868.150
Phải trả tiền bảo hiểm bồi thường	-	490.598.716
Thuế nhà thầu chưa kê khai	-	418.080.846
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.143.627.973	1.926.479.452
Cộng	12.177.058.958	11.167.982.025

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - vốn góp hợp tác kinh doanh (*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.330.000	22.330.000
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	8.643.942.981	8.643.942.981

(*) Là khoản hợp tác đầu tư tại Công ty con phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng (là bên liên quan) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh “Về việc hợp tác mua Cầu khung để cho thuê” ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất cả các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	4.989.639.287	
Vay dài hạn đến hạn trả	30.452.731.081	36.953.104.620
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	30.452.731.081	36.953.104.620
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		
Cộng	35.442.370.368	36.953.104.620

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	Số cuối năm
Vay ngắn hạn			18.307.923.993	(13.318.284.706)		4.989.639.287
Vay dài hạn đến hạn trả	36.953.104.620	29.315.731.081		(36.953.104.620)	1.137.000.000	30.452.731.081
Cộng	36.953.104.620	29.315.731.081	18.307.923.993	(50.271.389.326)	1.137.000.000	35.442.370.368

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	90.351.339.193	123.386.110.634
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ⁽ⁱⁱ⁾		696.000.000
Cộng	90.351.339.193	124.082.110.634

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Các khoản vay dài hạn tại Công ty mẹ theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động từ 7,9%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản vay và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

- Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo các hợp đồng vay trong năm 2013, 2014, 2015 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 54 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất thả nổi, biến động trong năm từ 8%/năm đến 9,2%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 06 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.440.000.000 VND.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	35.442.370.368	36.953.104.620
Trên 1 năm đến 5 năm	82.276.675.349	98.152.002.198
Trên 5 năm	8.074.663.844	25.930.108.436
Cộng	125.793.709.561	161.035.215.254

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	124.082.110.634	165.599.916.535
Số tiền vay phát sinh		5.640.800.000
Số tiền vay đã trả	(8.559.290.360)	(9.938.210.281)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(29.315.731.081)	(37.101.599.620)
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	4.144.250.000	(118.796.000)
Số cuối năm	90.351.339.193	124.082.110.634

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	3.620.222.201	3.099.444.024	451.500.000	7.171.166.225
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.589.159.521	18.113.606.878	681.953.000	22.384.719.399
Tăng khác	158.000.000			158.000.000
Chi quỹ trong năm	(3.933.400.000)	(14.801.095.687)	(451.500.000)	(19.185.995.687)
Tăng do chuyển công ty liên kết thành công ty con	18.746.918			18.746.918
Số cuối năm	3.452.728.640	6.411.955.215	681.953.000	10.546.636.855

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	40.983.145.549	106.321.027.444	24.879.616.786	322.166.369.779
Lợi nhuận trong năm trước			57.743.349.582	2.806.041.425	60.549.391.007
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		5.640.331.855	(14.352.329.638)		(8.711.997.783)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		409.983.321	(1.020.249.894)	(576.083.258)	(1.186.349.831)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(2.040.000.000)	(29.036.864.400)
Giảm do chuyển công ty con thành công ty liên kết		(97.263.787)	(66.911.557)	(3.098.939.648)	(3.263.114.992)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	46.936.196.938	121.628.021.537	21.970.635.305	340.517.433.780
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	46.936.196.938	121.628.021.537	21.970.635.305	340.517.433.780
Lợi nhuận trong năm nay			65.038.988.782	3.274.685.277	68.313.674.059
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ từ lợi nhuận kỳ này			(5.507.877.217)		(5.507.877.217)
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ từ lợi nhuận năm 2018		6.407.804.860	(22.314.132.860)		(15.906.328.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận từ lợi nhuận năm 2018			(29.996.516.000)	(2.550.000.000)	(32.546.516.000)
Phân phối nguồn vốn, quỹ tại Công ty con từ lợi nhuận kỳ này		443.045.654	(1.001.091.310)	(412.468.527)	(970.514.183)
Tăng do hợp nhất			399.885.750	5.526.996.067	5.926.881.817
Số dư cuối năm nay	149.982.580.000	53.787.047.452	128.247.278.682	27.809.848.122	359.826.754.256

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên	88.500.000.000	88.500.000.000
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn				
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100,00%	149.982.580.000	

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2018	
• Chi cổ tức	: 26.996.864.400
• Trích bổ sung quỹ phúc lợi	: 5.507.877.217
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 6.407.804.860
• Trích quỹ khen thưởng (5%)	: 3.203.902.430
• Trích quỹ phúc lợi (10%)	: 12.220.472.570
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	481.953.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	161.847,84	51.105,10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa		4.921.232.303
Doanh thu cung cấp dịch vụ	701.606.873.033	654.496.524.375
Cộng	701.606.873.033	659.417.756.678

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	267.789.191.180	261.500.595.999
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		435.208.725
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.029.363.636	706.209.683
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		13.640.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.589.529.091	4.916.023.183
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	3.750.000	119.377.272
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	236.441.500	172.600.182
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.721.300.910	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	600.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Texhong Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	360.436.364	731.217.273
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		59.464.546

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa		3.737.924.633
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	548.852.540.490	524.493.759.269
Cộng	548.852.540.490	528.231.683.902

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.895.267.504	6.114.007.514
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.002.137	17.770.858
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản	2.559.555	5.760.757

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		507.600.000
Cộng	7.899.829.196	6.645.139.129
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.616.849.076	13.465.049.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.732.511	8.469.785
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.475.517	
Cộng	9.648.057.104	13.473.519.460
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.988.295.399	1.330.391.660
Chi phí quà tặng khách hàng	2.306.648.619	1.297.913.045
Các chi phí khác	4.617.085.339	2.502.051.702
Cộng	8.912.029.357	5.130.356.407
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.174.898.051	16.951.800.205
Chi phí vật liệu quản lý	832.527.047	847.865.749
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.604.266.505	1.125.605.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.526.794.662	1.231.370.265
Thuế, phí và lệ phí	66.959.111	51.055.192
Dự phòng phải thu khó đòi	1.636.565.532	1.438.682.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.020.907.266	7.859.548.768
Các chi phí khác	29.701.679.020	12.875.219.729
Cộng	54.564.597.194	42.381.147.717
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.212.761.078	
Tiền bán thanh lý công cụ dụng cụ, phế liệu		535.000.000
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	360.356.359	883.237.427
Thu tiền bán hồ sơ thầu	7.272.728	
Thu nhập khác	446.992.624	10.515.798
Cộng	3.027.382.789	1.428.753.225
8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tổn thất	618.887.117	122.488.580

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thường tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	451.871.851	907.345.833
Thuế bị phạt, bị truy thu		100.352.132
Chi phí phạt vi phạm hành chính		
Lãi chậm nộp bảo hiểm		
Chi phí khác	1.790.028.639	824.800.876
Cộng	2.860.787.607	1.954.987.421

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.068.702.955	851.995.609
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(908.926.426)	(1.068.702.955)
Cộng	159.776.529	(216.707.346)

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.038.988.782	57.743.349.582
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành	(5.507.877.217)	(9.898.347.614)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	59.531.111.565	47.845.001.968
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.998.258	14.998.258
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.969	3.190

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.164.054.328	60.049.537.426
Chi phí nhân công	163.379.989.908	144.985.319.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.761.531.536	72.287.463.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.045.397.149	259.901.158.930
Chi phí khác	54.978.194.120	34.781.783.575
Cộng	612.329.167.041	572.005.263.393

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.853.039.903	1.849.736.161
Tiền thưởng	1.996.960.097	988.263.839
Cộng	3.850.000.000	2.838.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty liên kết từ ngày 4/6/2018 (Công ty con đến ngày 4/6/2018).

Công ty cùng Tập đoàn

Công ty cùng Tập đoàn

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27